| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ THUẬN AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 94/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 08/11/2019
Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa*: Bà Phạm Thị Anh Thư

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận
2. Bà Trần Ngọc Phương

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Đoàn Phạm Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuân An tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1081/2019/HNGĐ-ST ngày 08/8/2019 về việc "Ly hôn (không công nhận vợ chồng), tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; nơi ĐKHKTT: Phố Ng, phường L, thành phố V, tỉnh V; tạm trú: khu phố 5A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

*Bị đơn:* Bà Lê Thủy T, sinh năm 1970; nơi ĐKHKTT: Xã T, thành phố B, tỉnh Đ; trú tại: khu phố B, phường Th, thị xã Th, tỉnh B.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Ông T và bà T chung sống với nhau vào năm 2006 tại thành phố V, tỉnh V, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi nhau. Hơn một năm nay bà T đưa con bỏ vào Bình

Dương sinh sống. Nay ông T nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn (không công nhận vợ chồng) với bà T.

Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Nguyễn Lê U, sinh ngày 25/11/2010. Ông T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án yêu cầu ông T đưa cháu U tới Tòa để lấy lời khai, tuy nhiên ông T trình bày cháu hiện đang ở cùng với bà T nên ông không thể đưa cháu tới Tòa lấy lời khai được do bà T không cho đón cháu.

Về tài sản và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Quá trình tố tụng bà T vắng mặt. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T có mặt trình bày:*

Bà T thống nhất với ông T về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà T cho rằng ông T không có trách nhiệm với gia đình vợ con mà lại còn đi quan hệ với những người phụ nữ khác. Năm 2017 ông T bỏ vào Nam và không còn quan tâm đến bà T và con, nên năm 2018 bà T cũng đưa con vào Nam làm ăn. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T.

Về con chung: Tại phiên tòa, bà T cho rằng ngày 03/6/2019 ông T nộp đơn đã đưa cháu đến lấy lời khai, nguyện vọng cháu muốn được ở với mẹ, sau đó ông T lại rút đơn về. Nay bà T không đồng ý đưa cháu đến nữa vì ảnh hưởng tới tâm lý của cháu. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Lê U và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn (không công nhận vợ chồng) của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu được nuôi con của ông T, do cháu U từ trước tới nay sống cùng mẹ và ông T cũng không có trách nhiệm gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử để bà T tiếp tục được nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông T khởi kiện bà T yêu cầu được ly hôn (không công nhận vợ chồng), bà T hiện đang trú tại phường Thuận Giao, thị xã Thuận

An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông T và bà T sống chung với nhau từ năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông T và bà T có 01 con chung là Nguyễn Lê U, sinh ngày 25/11/2010.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn (không công nhận vợ chồng) với bà T do trong quá trình chung sống ông T và bà T tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được.

Quá trình tố tụng bà T vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bà T có mặt và xác định không còn tình cảm với ông T.

Tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại Điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: Nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003, từ sau thời gian này họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà T có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và ông T yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tú không công nhận ông T và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông T và bà T có một con chung là Nguyễn Lê U, sinh ngày 25/11/2010.

Xét thấy, theo biên bản lấy lời khai của ông T từ trước tới nay cháu U ở cùng với bà T, ông T cũng không đóng góp gì để phụ bà T nuôi con. Tại phiên tòa, bà T cũng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để cháu U được ổn định cuộc sống cũng như việc học tập, cần tiếp tục giao cháu cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ly hôn (không công nhận vợ chồng), tranh chấp về nuôi con với bà Lê Thủy T

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn và bà Lê Thủy T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê U, sinh ngày 25/11/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0035811 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**Phạm Thị Anh Thư**
**(đã ký)**